

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

TÀI SẢN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.443.700.495.391</b>	<b>1.312.347.204.961</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	11.339.552.989	14.738.218.930
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	138.233.589.823	128.719.077.254
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	527.225.851.041	465.219.398.162
IV. Hàng tồn kho	751.130.854.914	682.167.426.849
V. Tài sản ngắn hạn khác	15.770.646.624	21.503.083.766
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>192.434.409.432</b>	<b>165.422.268.143</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	1.901.160.820	2.276.170.820
II. Tài sản cố định	105.264.087.757	25.995.629.990
1. Tài sản cố định hữu hình	99.472.770.293	20.720.896.694
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	5.791.317.464	5.274.733.296
III. Bất động sản đầu tư	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	713.780.000	68.837.859.991
V. Đầu tư tài chính dài hạn	48.374.892.594	30.695.332.651
VI. Tài sản dài hạn khác	36.180.488.261	37.617.274.691
VII. Lợi thế thương mại	23.996.290.244	26.450.456.292
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.636.134.904.823</b>	<b>1.477.769.473.104</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.235.376.732.783</b>	<b>1.083.981.701.337</b>
I. Nợ ngắn hạn	1.233.064.768.626	1.081.800.526.139
II. Nợ dài hạn	2.311.964.157	2.181.175.198
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400.758.172.040</b>	<b>393.787.771.767</b>
I. Vốn chủ sở hữu	400.758.172.040	393.787.771.767
1. Vốn góp của chủ sở hữu	316.465.410.000	316.465.410.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	5.348.010.000	5.348.010.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	8.292.554.359	7.113.479.352
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	51.551.281.668	45.741.564.871
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	19.100.936.013	19.119.327.544
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
1. Nguồn kinh phí	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.636.134.904.823</b>	<b>1.477.769.473.104</b>

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Quý III năm nay	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	402.883.794.748	1.590.551.296.857
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	4.422.451.058	11.951.002.553
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>398.461.343.690</b>	<b>1.578.600.294.304</b>
4. Giá vốn hàng bán	345.168.100.232	1.347.736.244.351
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>53.293.243.458</b>	<b>230.864.049.953</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.076.455.420	6.692.751.523
7. Chi phí tài chính	17.479.323.806	59.087.892.564
- Trong đó: Chi phí lãi vay	15.965.319.967	55.589.291.688
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(1.205.552.735)	(3.320.440.057)
9. Chi phí bán hàng	16.397.190.572	109.520.863.779
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.065.130.050	35.535.558.949
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.222.501.715</b>	<b>30.092.046.127</b>
12. Thu nhập khác	21.508.729	3.290.124.133
13. Chi phí khác	836.709.854	1.710.371.846
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>(815.201.125)</b>	<b>1.579.752.287</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>6.407.300.590</b>	<b>31.671.798.414</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	75.043.098	7.032.370.136
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.491.270.312	372.354.272
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4.840.987.180</b>	<b>24.267.074.006</b>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	5.228.055.559	23.363.039.761
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(387.068.379)	904.034.245
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	150	751
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-

Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Lorinh Thị Phương*

Ngày 28 tháng 10 năm 2023

Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Thị Huyền Chương*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.443.700.495.391</b>	<b>1.312.347.204.961</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>11.339.552.989</b>	<b>14.738.218.930</b>
1. Tiền	111		11.339.552.989	14.738.218.930
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>138.233.589.823</b>	<b>128.719.077.254</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2 a	138.233.589.823	128.719.077.254
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>527.225.851.041</b>	<b>465.219.398.162</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	457.786.769.593	379.323.019.815
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.503.590.209	26.407.520.092
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	56.898.840.824	59.912.800.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	2.642.389.369	4.255.496.249
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.605.738.954)	(4.679.437.994)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>751.130.854.914</b>	<b>682.167.426.849</b>
1. Hàng tồn kho	141		754.380.684.327	690.033.297.788
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.249.829.413)	(7.865.870.939)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.770.646.624</b>	<b>21.503.083.766</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8 a	6.031.982.489	4.978.086.921
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.693.996.559	15.998.827.041
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		44.667.576	526.169.804
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
				192.434.409.432	165.422.268.143
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>192.434.409.432</b>	<b>165.422.268.143</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.901.160.820</b>	<b>2.276.170.820</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		1.901.160.820	2.276.170.820
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>105.264.087.757</b>	<b>25.995.629.990</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	99.472.770.293	20.720.896.694
	<i>Nguyên giá</i>	222		188.282.743.255	122.635.817.006
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(88.809.972.962)	(101.914.920.312)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.791.317.464	5.274.733.296
	<i>Nguyên giá</i>	228		7.287.008.519	6.459.508.519
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.495.691.055)	(1.184.775.223)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>713.780.000</b>	<b>68.837.859.991</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	713.780.000	68.837.859.991
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2 b</b>	<b>48.374.892.594</b>	<b>30.695.332.651</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.374.892.594	15.695.332.651
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		36.000.000.000	15.000.000.000
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>36.180.488.261</b>	<b>37.617.274.691</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8 b	10.265.381.858	9.006.436.927
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.918.816.159	2.160.381.472
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269	V.12	23.996.290.244	26.450.456.292
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>1.636.134.904.823</b>	<b>1.477.769.473.104</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.235.376.732.783</b>	<b>1.083.981.701.337</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.233.064.768.626</b>	<b>1.081.800.526.139</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	287.426.500.962	163.985.376.298
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	12.506.106.868	22.860.248.309
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	19.713.226.276	10.303.592.007
4. Phải trả người lao động	314		4.723.861.667	5.320.027.590
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	145.326.814	1.846.058.903
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	2.321.400.001	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	2.852.981.582	4.054.821.178
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	900.033.114.300	868.600.538.306
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	2.437.065.599	4.448.756.562
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	905.184.557	381.106.986
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.311.964.157</b>	<b>2.181.175.198</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.311.964.157	2.181.175.198
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>400.758.172.040</b>	<b>393.787.771.767</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>400.758.172.040</b>	<b>393.787.771.767</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		316.465.410.000	316.465.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		316.465.410.000	316.465.410.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.348.010.000	5.348.010.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.292.554.359	7.113.479.352
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.551.281.668	45.741.564.871
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28.188.241.907	23.584.154.646
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.363.039.761	22.157.410.225
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19.100.936.013	19.119.327.544
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.636.134.904.823</b>	<b>1.477.769.473.104</b>


Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu





Trương Bình Dương

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Phương

Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2023  
 Tổng Giám đốc 



Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 3 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		402.883.794.748	399.530.546.453	1.590.551.296.857	1.419.223.011.591
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		4.422.451.058	399.177.392	11.951.002.553	4.531.477.896
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	398.461.343.690	399.131.369.061	1.578.600.294.304	1.414.691.533.695
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	345.168.100.232	353.508.522.234	1.347.736.244.351	1.237.367.043.517
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.293.243.458	45.622.846.827	230.864.049.953	177.324.490.178
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.076.455.420	1.932.321.159	6.692.751.523	6.396.814.570
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.479.323.806	11.978.647.046	59.087.892.564	35.808.700.472
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.965.319.967	11.300.307.495	55.589.291.688	34.420.969.238
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.205.552.735)	(1.351.743.212)	(3.320.440.057)	1.226.072.781
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	16.397.190.572	22.328.003.985	109.520.863.779	98.660.742.198
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.065.130.050	9.566.648.394	35.535.558.949	26.344.894.758
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.222.501.715	2.330.125.349	30.092.046.127	24.133.040.101
12. Thu nhập khác	31	VI.7	21.508.729	1.847.364.125	3.290.124.133	2.036.128.883
13. Chi phí khác	32	VI.8	836.709.854	145.092.164	1.710.371.846	1.452.424.194
14. Lợi nhuận khác	40		(815.201.125)	1.702.271.961	1.579.752.287	583.704.689
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.407.300.590	4.032.397.310	31.671.798.414	24.716.744.790
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	75.043.098	836.065.220	7.032.370.136	5.516.954.362
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.491.270.312	(222.899.545)	372.354.272	481.271.501
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.840.987.180</u>	<u>3.419.231.635</u>	<u>24.267.074.006</u>	<u>18.718.518.927</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>5.228.055.559</u>	<u>(798.611.331)</u>	<u>23.363.039.761</u>	<u>15.216.400.263</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>(387.068.379)</u>	<u>4.217.842.966</u>	<u>904.034.245</u>	<u>3.502.118.664</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>150</u>	<u>106</u>	<u>751</u>	<u>580</u>

Người lập biểu



Trương Bình Dương

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Phương



Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>						
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		691.705.492.461	683.851.195.123	2.113.493.999.993	2.146.957.980.075
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(627.542.194.681)	(866.877.424.413)	(1.885.517.713.949)	(2.139.456.730.003)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.226.877.824)	(11.655.766.700)	(37.145.140.497)	(36.517.714.699)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(18.203.500.408)	(11.139.382.235)	(57.245.523.777)	(32.583.364.476)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.200.000.000)	(1.927.740.380)	(4.137.628.637)	(7.709.556.737)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.223.522.337	6.377.103.871	4.268.215.535	14.684.018.881
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(42.949.310.665)	(38.691.123.703)	(159.083.386.298)	(101.924.771.432)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(6.192.868.780)</b>	<b>(240.063.138.437)</b>	<b>(25.367.177.630)</b>	<b>(156.550.138.391)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.592.394.098)	-	(19.667.922.568)	(22.894.442.740)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.813.090.909	-	1.813.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(48.191.582.167)	(63.329.203.434)	(94.340.482.167)	(75.729.203.434)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		49.900.941.343	4.700.000.000	97.354.441.343	7.046.447.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.006.585.224	175.116.768	6.897.294.906	1.757.769.813
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.936.641.211</b>	<b>(58.454.086.666)</b>	<b>(7.943.577.577)</b>	<b>(89.819.429.361)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	139.329.900.000	-	139.329.900.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		382.406.989.681	538.275.377.494	1.403.496.455.845	1.313.112.340.191
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(381.325.513.811)	(377.880.799.766)	(1.372.063.879.851)	(1.204.450.919.792)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.520.486.728)	-	(1.520.486.728)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(439.010.858)</i>	<i>299.724.477.728</i>	<i>29.912.089.266</i>	<i>247.991.320.399</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<b>(4.695.238.427)</b>	<b>1.207.252.625</b>	<b>(3.398.665.941)</b>	<b>1.621.752.647</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	V.1	<b>16.034.791.416</b>	<b>10.034.469.946</b>	<b>14.738.218.930</b>	<b>9.619.969.924</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	V.1	<b>11.339.552.989</b>	<b>11.241.722.571</b>	<b>11.339.552.989</b>	<b>11.241.722.571</b>

Người lập biểu



Trương Bình Dương

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Phượng



Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2023

Tổng Giám đốc


  
Nguyễn Thị Huyền Thương

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc này 31 tháng 12 năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện./

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công ty có 265 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 296 nhân viên).

6. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

*Các Công ty con được hợp nhất:*

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, lắp đặt hệ thống điều hòa cho các công trình	80%	80%
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	94 Nam Trân, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	52%	52%
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	25 Đoàn Thị Điểm, Phường 01, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	Tầng 3, Tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên	Thông Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	96,92%	96,92%

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

*Các Công ty liên doanh liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:*

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Tổ dân phố Xuân Thượng 1, phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	Gia công may mặc	48%	48%

*Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:*

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội	Tầng 3, Tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất:** Số liệu BCTC hợp nhất giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC hợp nhất giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **2. Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

##### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá** Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là 23,800 VND/USD.

#### **5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

#### *Công ty con*

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

#### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là công ty được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản dùng cho hoạt động sản xuất và các chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	05

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

### 10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Chi phí trả trước khác***

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

#### ***Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa***

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa từ 0.5% - 1% trên bảng trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

#### ***Dự phòng bảo hành công trình xây dựng***

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên bảng trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

### 15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### **20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

#### **21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp.
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 23. Công cụ tài chính

#### *a) Tài sản tài chính*

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **b) Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### c) Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6.720.217.157	7.264.447.994
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.619.335.832	7.473.770.936
<b>Cộng</b>	<b><u>11.339.552.989</u></b>	<b><u>14.738.218.930</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	138.233.589.823	138.233.589.823	128.719.077.254	128.719.077.254
<b>Cộng</b>	<b>138.233.589.823</b>	<b>138.233.589.823</b>	<b>128.719.077.254</b>	<b>128.719.077.254</b>

(\*) Là các số tiết kiệm có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm tại các ngân hàng:

+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội: 19.639.369.728 VND.

+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm: 2.500.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An: 71.850.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ: 26.300.000.000 VND.

+ Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Hà Nội: 38.444.220.095 VND.

Các khoản tiền gửi này đang được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng trên. (Xem thuyết minh V.20)

**b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>12.374.892.594</b>		<b>15.695.332.651</b>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam (*)	48 %	12.374.892.594	48 %	15.695.332.651
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		<b>36.000.000.000</b>		<b>15.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (**)		15.000.000.000		15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Hà Nội		5.000.000.000		-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng		16.000.000.000		-
<b>Cộng</b>		<b>48.374.892.594</b>		<b>30.695.332.651</b>

(\*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam với tỷ lệ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 48% tương đương với 12.000.000 cổ phần, giá trị 12.000.000.000 VND, đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2023, Công ty đã góp đủ 12.000.000.000 VND. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

	Kỳ này
Giá gốc khoản đầu tư	12.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu	48%
Tăng giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	374.892.594
<b>Giá trị khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán</b>	<b>12.374.892.594</b>

(\*\*) Là khoản mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu số CTG1828T2/01-1269, ngày phát hành là 29/6/2018 đến ngày 29/06/2028. Số lượng trái phiếu là 1.500 với giá trị là 15.000.000.000 VND. Số trái phiếu này đang được cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Thành An.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>224.194.489.282</b>	<b>180.097.014.733</b>
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	224.194.489.282	179.364.027.239
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	-	732.987.494
<b>Phải thu các khách hàng khác (*)</b>	<b>233.592.280.311</b>	<b>199.226.005.082</b>
Công ty TNHH Thương Mại và Tư vấn Kỹ thuật - Cao	13.111.649.556	3.374.085.000
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố Hà Nội	3.113.328.000	4.400.328.000
Công ty cổ phần đầu tư MK Việt Nam	6.623.293.643	6.852.026.243
Công ty TNHH TM và XNK An Thịnh Phát	1.289.827.325	2.401.335.325
BQL dự án đầu tư XD công trình văn hóa - Xã hội TP. Hà Nội	840.402.000	2.636.082.000
Công ty TNHH Thương Mại Huy Hùng	13.214.221.652	11.801.328.652
Công ty TNHH cơ điện lạnh HC Toàn Cầu	26.839.202.691	3.805.560.000
Công ty cổ phần phát triển thương mại Bẫy Lợi	12.900.110.388	7.729.931.088
Các khách hàng khác	155.660.245.056	156.225.328.774
<b>Cộng</b>	<b>457.786.769.593</b>	<b>379.323.019.815</b>

(\*) Trong đó các khoản phải thu khách hàng được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho người bán khác (*)</b>	<b>14.503.590.209</b>	<b>26.407.520.092</b>
CJ Century Technology SDN.BHD	-	4.871.396.369
Sun Flame Industries Sdn Bhd	-	3.764.529.100
HISENSE INTERNATIONAL CO., LTD	2.009.964.874	266.231.634
Công ty CP Cơ Điện Benzen Việt Nam	-	2.190.608.122
Các nhà cung cấp khác	12.493.625.335	15.314.754.867
<b>Cộng</b>	<b>14.503.590.209</b>	<b>26.407.520.092</b>

(\*) Trong đó các khoản trả trước được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>25.948.200.002</b>	<b>52.000.000.000</b>
Trịnh Thị Phụng (2)	25.948.200.002	52.000.000.000
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>30.950.640.822</b>	<b>7.912.800.000</b>
Nguyễn Thị Mai Quỳnh	-	2.112.800.000
Vũ Văn Đình (1)	20.000.000.000	-
Nguyễn Ngọc Phú	1.500.000.000	1.500.000.000
Các khoản cho vay khác	9.450.640.822	4.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>56.898.840.824</b>	<b>59.912.800.000</b>

(1) Là khoản cho vay theo hợp đồng cho vay tiền số 01.04.23 NAG-VVĐ ngày 1/4/2023. Thời gian vay tối đa là 6 tháng, lãi suất là 8,5%/năm, có điều khoản gia hạn, tài sản đảm bảo là Căn hộ chung cư có sổ đỏ là CR 529673 của bà Ngô Thị Mai Hương và Ông Vũ Văn Đình và giao toàn bộ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với tài sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

(2) Là khoản cho vay theo hợp đồng cho vay tiền ngày 31/12/2022 thời gian vay tối đa là 6 tháng có điều khoản gia hạn, lãi suất là 8,5%/năm, tài sản đảm bảo là Căn hộ chung cư số C-32C2-4 của bà Trịnh Thị Phương và giao toàn bộ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với tài sản.

**6. Các khoản phải thu khác****a) Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	522.849.337		114.286.703	
Ký cược, ký quỹ	114.377.642		215.232.242	
Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm ngân hàng	1.500.910.224		3.791.813.231	
Phải thu lãi cho vay	423.835.616		69.232.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	80.416.550		6.582.491	
<b>Cộng</b>	<b>2.642.389.369</b>	<b>-</b>	<b>4.255.496.249</b>	<b>-</b>

**b) Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	1.901.160.820	-	2.276.170.820	-
<b>Cộng</b>	<b>1.901.160.820</b>	<b>-</b>	<b>2.276.170.820</b>	<b>-</b>

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(4.679.437.994)	-	(4.679.437.994)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	73.699.040	-	73.699.040
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(4.605.738.954)</b>	<b>-</b>	<b>(4.605.738.954)</b>

*Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.*

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng (*)	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	1.713.865.873	-
Nguyên liệu, vật liệu	140.031.824.345	-	111.814.933.752	-
Công cụ, dụng cụ	269.044.400	-	564.712.363	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	98.784.960	-	432.081.781	-
Thành phẩm	3.573.950.553	-	8.719.831.727	-
Hàng hóa	598.115.561.841	(3.249.829.413)	562.940.038.316	(7.865.870.939)
Hàng gửi đi bán	12.291.518.228	-	3.847.833.976	-
<b>Cộng</b>	<b>754.380.684.327</b>	<b>(3.249.829.413)</b>	<b>690.033.297.788</b>	<b>(7.865.870.939)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

(\*)Hàng tồn kho trích lập dự phòng trong năm là những mặt hàng ứ đọng lâu ngày, mẫu mã cũ không phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và khó có khả năng tiêu thụ, Công ty tiếp tục thực hiện thanh lý, chia tách các bộ phận còn có thể sử dụng của những mặt hàng này và trích lập dự phòng bổ sung để phản ánh chính xác giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	(7.865.870.939)
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	4.616.041.526
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>(3.249.829.413)</u></b>

**9. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng, thuê kho	605.039.094	-
Chi phí CCDC xuất dùng	841.638.353	313.571.447
Chứng nhận sản phẩm hợp quy	-	76.386.964
Chi phí bảo hiểm tài sản	256.148.709	169.498.472
Biển hiệu quảng cáo, kệ và vách trưng bày sản phẩm	2.127.396.227	1.895.352.132
Chi phí bảo trì phần mềm, thuế, hải quan	131.552.865	216.994.740
Chi phí thử nghiệm EMC và hiệu suất năng lượng ĐHKK	723.201.652	-
Chi phí thử nghiệm điện - điện tử	87.930.113	768.263.735
Chi phí quảng cáo	1.003.495.026	1.341.743.581
Chi phí trả trước khác	255.580.450	196.275.850
<b>Cộng</b>	<b><u>6.031.982.489</u></b>	<b><u>4.978.086.921</u></b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	1.487.249.240	493.576.587
Chi phí trả trước tiền thuê đất	740.075.848	756.281.887
Chi phí làm biển quảng cáo	7.557.553.866	7.066.582.636
Chi phí cải tạo sửa chữa	127.141.545	200.656.947
Chi phí bảo hiểm tài sản	3.350.000	-
Chi phí mua phần mềm	334.061.939	483.578.870
Chi phí trả trước khác	15.949.420	5.760.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.265.381.858</u></b>	<b><u>9.006.436.927</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	39.374.370.661	60.343.352.361	21.210.631.242	697.575.052	1.009.887.690	122.635.817.006
Mua trong kỳ	5.663.504.771	6.575.988.589	1.780.309.091	476.939.967	-	14.496.742.418
Đầu tư XDCB hoàn thành	63.590.973.111	-	-	7.853.298.706	-	71.444.271.817
Thanh lý, nhượng bán	-	(19.825.332.986)	(468.755.000)	-	-	(20.294.087.986)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>108.628.848.543</b>	<b>47.094.007.964</b>	<b>22.522.185.333</b>	<b>9.027.813.725</b>	<b>1.009.887.690</b>	<b>188.282.743.255</b>
<i>Trong đó</i>						
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	6.579.842.240	39.851.168.811	2.434.617.454	456.123.780	554.263.076	49.876.015.361
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	27.592.195.752	59.776.020.949	13.230.065.598	487.498.886	829.139.127	101.914.920.312
Khấu hao trong kỳ	4.175.080.233	186.487.094	2.438.334.148	331.107.890	58.131.271	7.189.140.636
Thanh lý, nhượng bán	-	(19.825.332.986)	(468.755.000)	-	-	(20.294.087.986)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>31.767.275.985</b>	<b>40.137.175.057</b>	<b>15.199.644.746</b>	<b>818.606.776</b>	<b>887.270.398</b>	<b>88.809.972.962</b>

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	11.782.174.909	567.331.412	7.980.565.644	210.076.166	180.748.563	20.720.896.694
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>76.861.572.558</b>	<b>6.956.832.907</b>	<b>7.322.540.587</b>	<b>8.209.206.949</b>	<b>122.617.292</b>	<b>99.472.770.293</b>

Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 27.856.990.491 VND và 6.060.694.500 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội bao gồm toàn bộ nhà xưởng phục vụ sản xuất điều hòa.

+ Tài sản cố định là xe Mercedes, BKS 30F-840.98 và xe ô tô Mercedes- Benz BKS 30F-798.91 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.305.978.182 VND và 1.098.931.620 VND và Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.799.952.727 VND và 1.901.678.859 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

+ Tòa nhà văn phòng làm việc có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.506.097.039 VND và 2.614.964.021 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Á Châu- chi nhánh Đà Nẵng để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty cổ phần Nagakawa Đà Nẵng.

+ Tài sản cố định là xe Xe Fortune - 88A 08438 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 958.627.273 VND và 0 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.614.795.919	1.844.712.600	6.459.508.519
Tăng do mua sắm	-	827.500.000	827.500.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.614.795.919</b>	<b>2.672.212.600</b>	<b>7.287.008.519</b>
<i>Trong đó</i>			
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	644.712.600	644.712.600
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	1.184.775.223	1.184.775.223
Khấu hao trong năm	-	310.915.832	310.915.832
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>1.495.691.055</b>	<b>1.495.691.055</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	4.614.795.919	659.937.377	5.274.733.296
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.614.795.919</b>	<b>1.176.521.545</b>	<b>5.791.317.464</b>

Tài sản là quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 4.614.795.919 VND và 4.614.795.919 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Á Châu- chi nhánh Đà Nẵng.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào Tài sản cố định</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	6.776.387.664	1.229.019.356	(7.291.627.020)	713.780.000
Mua xe ô tô	1.138.181.818	169.400.000	(1.307.581.818)	-
Chi phí làm phim quảng cáo, nhận diện thương hiệu	153.780.000			153.780.000
Xây dựng website trang chủ của công ty	107.500.000		(107.500.000)	-
Phần mềm quản lý kho	-	560.000.000		560.000.000
Hệ thống máy bơm khí điều hòa	4.800.925.846	355.619.356	(5.156.545.202)	-
Phát triển phần mềm và bo mạch điện tử IoT kèm phần mềm nhúng cho Bếp từ	576.000.000	144.000.000	(720.000.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	62.061.472.327	14.051.338.174	(76.112.810.501)	-
Thi công văn phòng 275 Nguyễn Trãi	5.936.459.771	-	(5.936.459.771)	-
Công trình nhà xưởng việt phúc hưng yên	56.125.012.556	14.051.338.174	(70.176.350.730)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định		1.681.588.324	(1.681.588.324)	-
<b>Cộng</b>	<b>68.837.859.991</b>	<b>16.961.945.854</b>	<b>(83.404.437.521)</b>	<b>713.780.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>8.684.340.370</i>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	-	-
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	10.000.000.000	8.684.340.370
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>277.426.500.962</i>	<i>155.301.035.928</i>
Công ty CP Cơ Khí - Xây Lắp - Thương Mại Minh Cường	8.955.488.491	10.664.565.820
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại thiết bị điện tử Minh Long	49.453.653.078	36.595.699.677
CJ Century Technology SDN.BHD	28.309.688.858	-
TCL Air Conditioner (Zhongshan) Co., LTD.	37.083.768.598	-
CÔNG TY TNHH KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT HÀ NỘI	43.922.186.153	3.522.618.419
Công ty TNHH thương mại và tư vấn kỹ thuật - Cao	45.162.531.197	10.372.955.869
Công ty cổ phần Phúc Ngọc Anh	-	7.196.640.000
Các nhà cung cấp khác	64.539.184.587	86.948.556.143
<b>Cộng</b>	<b><u>287.426.500.962</u></b>	<b><u>163.985.376.298</u></b>

**14. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>1.122.964.506</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	1.122.964.506	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>11.383.142.362</i>	<i>22.860.248.309</i>
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Bất Động Sản Thế Kỳ	-	2.360.000.000
BQL dự án đầu tư xây dựng quận Hai Bà Trưng	1.037.061.000	1.026.231.000
Công ty TNHH cơ điện lạnh HC Toàn Cầu	-	5.973.699.959
Công ty cổ phần xây dựng kỹ thuật SH Việt Nam	2.315.855.100	2.315.855.100
Công ty TNHH Thương Mại và Tư vấn Kỹ thuật - Cao	-	4.715.669.359
Các khách hàng khác	8.030.226.262	6.468.792.891
<b>Cộng</b>	<b><u>12.506.106.868</u></b>	<b><u>22.860.248.309</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	22.996.537	318.395.492	717.094.031	-	421.695.076	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	162.106.736	55.466.851.949	54.423.563.453	881.181.760	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.755.457.922	-	54.880.076.369	50.627.675.479	8.007.858.812	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	11.279.752.036	11.279.752.036	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.536.157.282	44.667.576	7.032.370.136	4.137.628.637	8.430.898.781	44.667.576
Thuế thu nhập cá nhân	433.208.465	-	2.112.962.946	1.443.359.696	1.102.811.715	-
Tiền thuế đất	-	-	655.575.423	235.492.662	420.082.761	-
Các loại thuế khác	555.771.801	1.000.000	86.943.987	193.018.417	448.697.371	-
<b>Cộng</b>	<b>10.303.592.007</b>	<b>526.169.804</b>	<b>132.231.626.877</b>	<b>122.340.490.380</b>	<b>19.713.226.276</b>	<b>44.667.576</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	34.026.814	1.690.258.903
Trích trước chi phí chiết khấu hàng bán, chương trình khuyến mãi	98.800.000	98.800.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	12.500.000	57.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>145.326.814</u></b>	<b><u>1.846.058.903</u></b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	<i>2.321.400.001</i>	-
Doanh thu cho KLV thuê kho	2.321.400.001	
<b>Cộng</b>	<b><u>2.321.400.001</u></b>	<b><u>-</u></b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>890.637.463</i>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam - Phải trả về lãi vay	-	890.637.463
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>2.852.981.582</i>	<i>3.164.183.715</i>
Kinh phí công đoàn	544.437.380	302.868.098
Bảo hiểm xã hội	269.156.962	
Bảo hiểm y tế	48.011.022	225.450
Bảo hiểm thất nghiệp	21.243.632	
Phải trả phí bảo hiểm	17.456.968	
Phải trả trợ cấp bảo hiểm cho người lao động	75.398.400	
BAN QLDA KẾ HOẠCH QUẢN LÝ LOẠI TRỪ CÁC CHẤT HCFC CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN II - Tài trợ	-	2.503.469.728
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.875.577.268	355.090.540
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.699.950	2.529.899
<b>Cộng</b>	<b><u>2.852.981.582</u></b>	<b><u>4.054.821.178</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****19. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	17.771.000.000	17.771.000.000
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam (8)	-	-	17.771.000.000	17.771.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>900.033.114.300</b>	<b>900.033.114.300</b>	<b>850.829.538.306</b>	<b>850.829.538.306</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	383.414.244.069	383.414.244.069	313.169.131.449	313.169.131.449
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (2)	69.894.435.988	69.894.435.988	40.019.096.535	40.019.096.535
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (3)	373.292.286.639	373.292.286.639	392.307.557.579	392.307.557.579
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (4)	-	-	15.096.289.143	15.096.289.143
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (5)	46.192.260.220	46.192.260.220	54.453.956.580	54.453.956.580
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (6)	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (7)	14.290.287.384	14.290.287.384	25.413.507.020	25.413.507.020
Vay ngắn hạn các cá nhân				
Bà Bùi Lệ Hằng	5.949.600.000	5.949.600.000	3.370.000.000	3.370.000.000
<b>Cộng</b>	<b>900.033.114.300</b>	<b>900.033.114.300</b>	<b>868.600.538.306</b>	<b>868.600.538.306</b>

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay hạn mức số 2302/2023-HĐCVHM/NHCT320-NAG ngày 28 tháng 02 năm 2023 với tổng mức cấp dư nợ vay và số dư bảo lãnh, L/C đã phát hành tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Quyền sử dụng đất tại số thửa 46, tờ bản đồ 20 tại Xã Liên Phương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V930401 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo hợp đồng thế chấp tài sản số 50/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HungYen ký ngày 18 tháng 06 năm 2018.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 666206, sổ vào sổ cấp GCN: CS29262 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 27/06/2018 cho ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo HĐCC số 01/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG-ROYAL ngày 15/11/2019

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10111071095, Hồ sơ gốc số 6586 2003 2640. 203. QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 14/05/2002 cho bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo HĐCC số 02/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 03/12/2019.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 750752, sổ vào sổ cấp GCN: CHO1494.HDD/1461 do Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai thành phố Hà Nội cấp ngày 29/08/2012 cho Ông Nguyễn Đình Tấn và Bà Đào Thị Hoa theo HĐCC số 03/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 11/12/2019.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt Quận Thanh Xuân, Hà Nội ( nay là số 86 ngõ 274 phố Nguyễn Lân, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10111071019, Hồ sơ gốc số 3015-2003-QĐUB/8623.2003 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 2/6/2003 cho ông Lưu Văn Thất và Bà La Thị Nga. Ngày 21/11/2012, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội xác nhận chuyển nhượng cho bà Đào Thị Soi theo hợp đồng chuyển nhượng số 10121293/HHĐCN ngày 29/10/2012 tại Phòng công chứng Mỹ Đình, TP Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020.

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 16 tại địa chỉ Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD537451 số GCN: 01674-2144 QĐ-UB do Ủy ban nhân dân Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội cấp ngày 21/12/2005 cho ông Đỗ Quách Cương. Ngày 17/4/2015 văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Hoàng Mai xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức Khả và bà Đào Thị Soi theo hồ sơ số 1181 ngày 14/4/2015 theo hợp đồng thế chấp số số 02/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương số 320/2020/36924/HĐTG ngày 21/02/2020, số tiền gửi: 9.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 21/02/2020.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương số 320/2020/36915/HĐTG ngày 21/02/2020, số tiền gửi 6.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 21/02/2020.

+ Trái phiếu ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành, mã trái phiếu: CTG1828T2/01 và CTG1727T2/02 với tổng giá trị Trái phiếu 15.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố trái phiếu số: 1007/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG lập ngày 31 tháng 03 năm 2021.

+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02/2021/HĐBĐ/NHCT/320-NAG ngày 25 tháng 02 năm 2021.

+ Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam theo hợp đồng thế chấp động sản số 2804/2021/HĐBĐ/NHCT320-MAYMOCKLV ngày 28 tháng 04 năm 2021.

+ Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66, thuộc chủ sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0309/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAGAKAWA ký ngày 19 tháng 10 năm 2020.

+ Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa có giá trị 60.000.000.000 VND theo biên bản định giá tài sản bảo đảm ngày 30/01/2018 và hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2018/HĐTC/NHCT320-NAG-HTK ký ngày 06/02/2018. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HTK ngày 21/01/2020, các bên thống nhất định giá giá trị của tài sản thế chấp là 101.508.541.889 VND.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DE 216785, số vào sổ cấp GCN: CS 31027 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 11/06/2022 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo Hợp đồng

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

thế chấp tài sản số 06/2022/HĐBĐ/NHCT320-CANHOR1 ký ngày 6/7/2022. Giá trị tài sản thế chấp là 8.815.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CV 459142, số vào sổ cấp GCN: CS 28044 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 13/07/2020 thuộc sở hữu của bà Trịnh Thị Phương theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2022/HĐBĐ/NHCT320-CANHOR1 ký ngày 23/8/2022. Giá trị tài sản thế chấp là 4.173.000.000 VND.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số 320/2022/19359, kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 21/06/2023, số tiền gửi 2.600.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố 06/2022/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HĐTĐ ký ngày 22/6/2022.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số 320/2022/22062, kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 12/7/2023, số tiền gửi 10.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 1207/2022/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HĐTĐ ký ngày 12/7/2022.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số 320/2022/24762, kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 03/8/2023, số tiền gửi 3.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 0308/2022/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HĐTĐ ký ngày 03/8/2022.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số 320/2022/25123, kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 08/8/2023, số tiền gửi 5.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 0808/2022/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HĐTĐ ký ngày 08/8/2022.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số 320/2022/30193, kỳ hạn 6 tháng, ngày đến hạn 16/3/2023, số tiền gửi 3.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 1609/2022/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HĐTĐ ký ngày 19/9/2022.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số 320/2022/21224, kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 04/07/2023, số tiền gửi 5.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 07/2022/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HĐTĐ ký ngày 04/07/2022.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số 320/2022/22063, kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 08/07/2023, số tiền gửi 5.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 0807/2022/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HĐTĐ ký ngày 11/07/2022.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số 320/2022/23522, kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 22/07/2023, số tiền gửi 5.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 2207/2022/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HĐTĐ ký ngày 22/07/2022.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số 320/2022/44112, kỳ hạn 06 tháng, ngày đến hạn 15/12/2023, số tiền gửi 10.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 1512/2022/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HĐTĐ ký ngày 15/12/2022.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số 320/2022/18657, kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 26/05/2024, số tiền gửi 4.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 2605/2023/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HĐTĐ ký ngày 1/6/2023.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số 320/2023/17396, kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 17/05/2024, số tiền gửi 4.250.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 1705/2023/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HĐTG ký ngày 18/05/2023.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 131323.23.051.879737.TD ngày 27 tháng 04 năm 2023 với giá trị hạn mức tín dụng là 130 tỷ; hạn mức cho vay 80 tỷ, hạn mức bảo lãnh thanh toán 20 tỷ, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán 50 tỷ, hạn mức phát hành L/C: 50 tỷ. Giới hạn giá trị cấp tín dụng đối với: Tổng giới hạn các hạn mức là 80 tỷ; hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán đối với lĩnh vực nhập linh kiện/thiết bị phục vụ việc lắp ráp tối đa 30 tỷ. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 20 tháng 04 năm 2024 kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 7 tháng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh các mặt hàng điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị bếp của khách hàng. Lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Hợp đồng cầm cố số 44520.21.051.879737.BD ngày 11 tháng 08 năm 2021 số tiền 2.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Điện Biên Phủ.

+ Hợp đồng cầm cố số 4519.21.051.879737.BD ngày 11 tháng 08 năm 2021 số tiền 5.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Điện Biên Phủ.

+ Hợp đồng cầm cố số 55655.21.051.879737.BĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 số tiền 300.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Điện Biên Phủ.

+ Hợp đồng cầm cố tài sản số 95441.22.051.879737.BD ngày 26 tháng 10 năm 2022 số tiền 3.000.000.000 VNĐ, thời hạn 6 tháng, ngày đáo hạn 25/04/2023 theo Hợp đồng tiền gửi số 49202.22.051.879737.TG.DN tại Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Điện Biên Phủ.

+ Hợp đồng cầm cố tài sản số 132851.23.051.879737.BD ngày 05 tháng 05 năm 2023 số tiền 4.000.000.000 VNĐ, thời hạn 12 tháng, ngày đáo hạn 05/05/2024 theo Hợp đồng tiền gửi số 43797.23.051.879737.TG.DN tại Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Điện Biên Phủ; số tiền 3.000.000.000 VNĐ, thời hạn 12 tháng, ngày đáo hạn 05/05/2024 theo Hợp đồng tiền gửi số 43796.23.051.879737.TG.DN tại Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Điện Biên Phủ; số tiền 3.000.000.000 VNĐ, thời hạn 12 tháng, ngày đáo hạn 05/05/2024 theo Hợp đồng tiền gửi số 43795.23.051.879737.TG.DN tại Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Điện Biên Phủ.

+ Hợp đồng cầm cố tài sản số 134330.23.051.879737.BD ngày 15 tháng 05 năm 2023 số tiền 3.000.000.000 VNĐ, thời hạn 12 tháng, ngày đáo hạn 12/05/2024 theo Hợp đồng tiền gửi số 44046.23.051.879737.TG.DN tại Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Điện Biên Phủ.

+ Hợp đồng cầm cố tài sản số 134343.23.051.879737.BD ngày 15 tháng 05 năm 2023 số tiền 3.000.000.000 VNĐ, thời hạn 12 tháng, ngày đáo hạn 12/05/2024 theo Hợp đồng tiền gửi số 44045.23.051.879737.TG.DN tại Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Điện Biên Phủ.

+ Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 272273 do UBND Quận Hoàng Mai cấp ngày 18/09/2007 cho bà Đào Thị Soi.

+ Quyền đòi nợ hình thành từ các Đề nghị thanh toán, Biên bản xác nhận đối chiếu công nợ; Hóa đơn GTGT cụ thể theo Hợp đồng thế chấp số 126540.23.051.879737.BD ngày 07/04/2023.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

(3) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2022/367653/HĐTD ngày 30 tháng 08 năm 2022, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 400 tỷ đồng, hạn mức đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn theo hợp đồng 01/2021/367653/HĐTD ngày 26 tháng 05 năm 2021, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản số HD03-16, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT274326, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 00886 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2019, thuộc sở của Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ là Cổ đông góp vốn (theo hợp đồng thế chấp số 02/2019//367653/HĐBĐ ngày 18/09/2019).

+ Toàn bộ nhà xưởng trên đất tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 26, phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2019/367653/HĐBĐ ngày 18/11/2019.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/367653/HĐBĐ.

+ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả theo Hợp đồng cầm cố số 02/2020/367653/HĐBĐ ngày 30/06/2020.

+ Thế chấp toàn bộ nhà xưởng tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 10, Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2021/367653/HĐBĐ ngày 26/05/2021.

+ Thế chấp Hàng hóa luân chuyển của công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa theo hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo bổ sung số 04/2019/367653/HĐBĐ ngày 01/10/2019.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2021/HĐTG.211.367653 ngày 12/3/2021, số tiền 6.500.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2021/367653/HĐBĐ ngày 12/3/2021.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/2021/HĐTG.211.367653 ngày 17/3/2021, số tiền 8.500.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 02/2021/367653/HĐBĐ ngày 17/3/2021.

(4) Là khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng số 389/2022/HĐTD/TLG ngày 08 tháng 12 năm 2022 với hạn mức tín dụng không vượt quá 50.000.000.000 VND, hạn mức trên đã bao gồm dư nợ theo Hợp đồng số 31/2021/HĐTD/TTKD.TKC/01 ngày 16 tháng 09 năm 2021. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 06 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh thương mại mặt hàng điều hòa và hàng gia dụng. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 44/2021/HĐBĐ/TTKD.TKC/01 ngày 08 tháng 10 năm 2021 số tiền 2.500.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

+ Thế chấp Hàng hóa luân chuyển của công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa theo hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bên thứ ba số 31/2021/HDBD/TTKD.TKC/02 ngày 16/09/2021.

(5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng số 01/2022/CTD/VCBHN-NGKW ngày 26 tháng 07 năm 2022 với giới hạn cấp tín dụng không vượt quá 54.500.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không vượt quá ngày 20 tháng 08 năm 2023. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 01/2021/CCTG/VCBHN- NGKW ngày 13 tháng 07 năm 2021 số tiền 5.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- chi nhánh Hà Nội.

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 03/2021/CCTG/VBHN-NAKW ngày 03 tháng 08 năm 2021 số tiền 6.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh Hà Nội

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 02/2021/ CCTG/VCBHN- NGKW ngày tháng năm 2021 số tiền 5.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- chi nhánh Hà Nội.

+ Xe Toyota Corolla Cross 1.8G, biển kiểm soát 30H-181.23, số khung MR2KUAAG0M0018740, số máy 2ZRY752002 thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa theo hợp đồng thế chấp số 01/2021/HDTCPGT/VCBHN-NKGW

+ Thế chấp hàng hóa và các khoản phải thu có giá trị thế chấp là 20.000.000.000 VNĐ theo hợp đồng số 01/2021/HĐTCHHKPT/NGKW ngày 13 tháng 07 năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh Hà Nội.

(6) Là khoản vay ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng cấp tín dụng số DAN.DN.3774.080523 ngày 15 tháng 05 năm 2023. Hạn mức tín dụng 7.000.000.000 VND. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng văn bản nhận nợ, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký. Khoản vay được đảm bảo bởi:

+ Bất động sản tại: Thửa 125, TĐĐ 101, Khu đất công trình công cộng thuộc Khu dân cư Trung Nghĩa, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng trị giá 8.199.200.000 VND

(7) Là khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2022/CVHM/VCBHN-NAE ngày 28 tháng 12 năm 2022. Hạn mức tín dụng 26.600.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký. Thời hạn cho vay mỗi khoản nợ là 8 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay; lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bởi các hợp đồng:

+ Cầm cố tài sản là số dư tiền gửi có kỳ hạn trị giá 7.500.000.000 VND thuộc sở hữu của Công ty theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2021/VCBHN-NAE ngày 01 tháng 12 năm 2021, theo Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 01/2021/CCTG/VCBHN-NAE ngày 01 tháng 12 năm 2021;

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

+ Cầm cố tài sản là số dư tiền gửi có kỳ hạn trị giá 4.000.000.000 VND thuộc sở hữu của Công ty theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/2021/VCBHN-NAE ngày 10 tháng 12 năm 2021, theo Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 02/2021/CCTG/VCBHN-NAE ngày 17 tháng 12 năm 2021;

+ Cầm cố tài sản là số dư tiền gửi có kỳ hạn trị giá 4.000.000.000 VND thuộc sở hữu của Công ty theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/2021/VCBHN-NAE ngày 21 tháng 12 năm 2021, theo Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 03/2021/CCTG/VCBHN-NAE ngày 22 tháng 12 năm 2021;

+ Cầm cố tài sản là số dư tiền gửi tiết kiệm trị giá 500.000.000 VND theo sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 10316520, theo hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi tiết kiệm số 01/2021/HĐCC/VCBHN-NAE ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa bà Nguyễn Thị Huyền Thương, ông Nguyễn Mạnh Cường và Ngân hàng;

+ Thế chấp hàng tồn kho luân chuyển và khoản phải thu hình thành từ vốn vay của Ngân hàng trị giá 15.000.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa và khoản phải thu số 01/2021/HDTCHHKPT/NAE ngày 01 tháng 12 năm 2021;

(8) Là khoản vay Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam theo các hợp đồng vay tiền. Đến ngày 30/09/2023 Công ty đã thanh toán hết các khoản vay kể trên

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	847.459.538.306	1.386.016.855.845	(1.339.392.879.851)	894.083.514.300
Vay ngắn hạn các tổ chức bên liên quan	17.771.000.000	11.200.000.000	(28.971.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	3.370.000.000	6.279.600.000	(3.700.000.000)	5.949.600.000
<b>Cộng</b>	<b>868.600.538.306</b>	<b>1.403.496.455.845</b>	<b>(1.372.063.879.851)</b>	<b>900.033.114.300</b>

#### 20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số sử dụng trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	4.448.756.562	3.632.637.758	(5.644.328.721)	-	2.437.065.599
<b>Cộng</b>	<b>4.448.756.562</b>	<b>3.632.637.758</b>	<b>(5.644.328.721)</b>	<b>-</b>	<b>2.437.065.599</b>

#### 21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	381.106.986	285.407.785	-	666.514.771
Quỹ phúc lợi	-	285.407.786	(46.738.000)	238.669.786
<b>Cộng</b>	<b>381.106.986</b>	<b>570.815.571</b>	<b>(46.738.000)</b>	<b>905.184.557</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**22. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	166.826.240.000	5.672.110.000	(20.000)	6.341.448.011	34.650.168.523	15.418.237.620	228.908.184.154
Tăng vốn ở công ty con	-	-	-	-	-	2.277.000.000	2.277.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	9.985.170.000	-	-	-	(9.985.170.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	139.654.000.000	(324.100.000)	-	-	-	-	139.329.900.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	22.157.410.225	1.424.089.924	23.581.500.149
Trích lập các quỹ	-	-	-	772.031.341	(1.080.843.877)	-	(308.812.536)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>316.465.410.000</b>	<b>5.348.010.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>7.113.479.352</b>	<b>45.741.564.871</b>	<b>19.119.327.544</b>	<b>393.787.771.767</b>
Số dư đầu năm nay	316.465.410.000	5.348.010.000	(20.000)	7.113.479.352	45.741.564.871	19.119.327.544	393.787.771.767
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(15.823.269.500,0)	-	(15.823.269.500)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	23.363.039.761,0	904.034.245	24.267.074.006
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.179.075.007	(1.730.053.464,0)	(19.837.114)	(570.815.571)
Chia cổ tức, lợi nhuận tại công ty con	-	-	-	-	-	(902.588.662)	(902.588.662)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>316.465.410.000</b>	<b>5.348.010.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>8.292.554.359</b>	<b>51.551.281.668,0</b>	<b>19.100.936.013</b>	<b>400.758.172.040</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****b) Phân phối lợi nhuận**

Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 05 tháng 04 năm 2023 như sau:

	VND
• Chia cổ tức bằng tiền 5% vốn điều lệ	: 15.823.270.500
• Quỹ đầu tư phát triển 5% LNST	: 1.179.075.007
• Quỹ khen thưởng phúc lợi 2% LNST	: 471.630.003

**c) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ nắm giữ	Giá trị	Tỷ lệ nắm giữ
Ông Nguyễn Đức Khả	119.438.540.000	37,74%	119.438.540.000	37,74%
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	32.167.960.000	10,16%	32.167.960.000	10,16%
Cổ phiếu quỹ	20.000	0,00%	20.000	0,00%
Các cổ đông khác	164.858.890.000	52,09%	164.858.890.000	52,09%
<b>Cộng</b>	<b>316.465.410.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>316.465.410.000</b>	<b>100,00%</b>

**d) Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.646.541	31.646.541
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.646.541	31.646.541
- Cổ phiếu phổ thông	31.646.541	31.646.541
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	(2)	(2)
- Cổ phiếu phổ thông	31.646.539	31.646.539

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

**23. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ****a, Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	390,24	390,24

**b, Nợ khó đòi đã xử lý**

Đối tượng	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000	47.723.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000	525.607.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000	283.250.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382	125.087.382	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Trảng An	30.000.000	30.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>1.116.279.409</b>	<b>1.116.279.409</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a, Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.590.551.296.857	1.419.223.011.591
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>1.585.475.427.593</i>	<i>1.414.129.022.869</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>5.075.869.264</i>	<i>5.093.988.722</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(11.951.002.553)	(4.531.477.896)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(1.909.499.114)</i>	<i>(2.464.317.595)</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>-</i>	<i>(1.363.637)</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(10.041.503.439)</i>	<i>(2.065.796.664)</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.578.600.294.304</u></b>	<b><u>1.414.691.533.695</u></b>
<i>Trong đó:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>1.573.524.425.040</i>	<i>1.409.597.544.973</i>
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>5.075.869.264</i>	<i>5.093.988.722</i>

**b, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	518.295.256.675	
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	7.898.502.478	
<b>Cộng</b>	<b><u>526.193.759.154</u></b>	

**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.349.264.536.457	1.235.214.516.165
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.087.749.420	2.152.527.352
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.616.041.526)	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.347.736.244.351</u></b>	<b><u>1.237.367.043.517</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	5.030.227.515	5.246.829.410
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.662.524.008	987.378.746
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	162.606.414
<b>Cộng</b>	<b><u>6.692.751.523</u></b>	<b><u>6.396.814.570</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	55.589.291.688	34.420.969.238
Chiết khấu thanh toán cho người mua	2.191.000.772	956.825.145
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.304.150.104	430.906.089
Chi phí tài chính khác	3.450.000	
<b>Cộng</b>	<b>59.087.892.564</b>	<b>35.808.700.472</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	26.316.906.145	28.529.421.426
Chi phí vật liệu, bao bì	62.033.771	136.870.381
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.056.499.415	1.000.777.328
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.479.352.698	1.935.067.394
Chi phí bảo hành	1.812.051.248	74.494.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.461.067.611	58.362.044.090
Các chi phí khác	9.332.952.891	8.622.066.823
<b>Cộng</b>	<b>109.520.863.779</b>	<b>98.660.742.198</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	20.553.895.298	17.711.300.356
Chi phí vật liệu quản lý	185.704.384	140.576.883
Chi phí đồ dùng văn phòng	665.547.801	607.250.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.493.531.086	1.129.244.562
Thuế, phí và lệ phí	25.111.110	138.632.967
Lợi thế thương mại	2.454.166.048	2.454.166.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.274.080.243	3.825.989.172
Dự phòng/hoàn nhập phải thu khó đòi	(72.680.480)	(2.604.842.739)
Các chi phí khác	5.956.203.459	2.942.577.125
<b>Cộng</b>	<b>35.535.558.949</b>	<b>26.344.894.758</b>

**7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	1.813.090.909	-
Cước phân chia dịch vụ 1900	-	11.059.296
NCC hỗ trợ phát triển thị trường	1.257.941.550	
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	2.552.300	1.908.015.720
Thu bồi thường bảo hiểm	158.725.700	32.641.992
<b>Cộng</b>	<b>57.813.674</b>	<b>84.411.875</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****8. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	609.000.960	1.288.275.310
Chi phí khác	1.101.370.886	164.148.884
<b>Cộng</b>	<b>1.710.371.846</b>	<b>1.452.424.194</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.671.798.414	24.716.744.790
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.490.052.268	4.152.468.758
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.100.406.916	7.784.899.045
<i>Xe ô tô nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng</i>	288.241.364	288.241.364
<i>Lỗi do công ty con quyết toán riêng</i>	473.806.415	3.469.216.323
<i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	-	285.000.000
<i>Các khoản phạt truy thu thuế</i>	630.817.054	1.288.275.310
<i>Lợi thế thương mại</i>	2.454.166.048	2.454.166.048
<i>Lãi phát sinh trong quá trình hợp nhất</i>	3.253.376.035	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.610.354.648)	(3.632.430.287)
<i>Lãi phát sinh trong quá trình hợp nhất</i>	-	(3.632.430.287)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(3.610.354.648)</b>	<b>-</b>
Lỗi các năm trước được chuyển	35.161.850.682	28.869.213.548
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>35.161.850.682</b>	<b>28.869.213.548</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>7.032.370.136</b>	<b>5.773.842.710</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	(256.888.348)
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7.032.370.136</b>	<b>5.516.954.362</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty đang được công ty tạm tính chưa loại trừ lãi vay Theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Công ty sẽ tính và ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với chi phí lãi vay bị loại trừ khi quyết toán thuế năm tài chính 2023..

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	24.267.074.006	18.718.518.927
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(485.341.480)	(374.370.379)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.781.732.526	18.344.148.548
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	31.646.541	31.646.541
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>751</b>	<b>580</b>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ này được ước tính theo 2% lợi nhuận sau thuế.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	31.646.541	31.646.541
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>31.646.541</b>	<b>31.646.541</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Giao dịch không bằng tiền**

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi nhập gốc	764.512.569	929.049.342

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong kỳ đơn vị không phát sinh giao dịch với bên liên quan là các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan không còn số dư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan**

Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ  
 Công ty Cổ phần may KLV

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn. Bà  
 Đào Thị Soi là Phó  
 TGD tại công ty  
 Anh Vũ  
 Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ</b>		
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	570.124.782.343	331.874.037.066
Thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	525.294.320.300	155.550.000.000
Phải trả tiền bán hàng hóa, thành phẩm	10.000.000.000	-
Trả tiền bán hàng hóa, thành phẩm	8.684.340.370	7.000.000.000
<b>Công ty Cổ phần may KLV</b>		
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm, thuê kho	8.688.352.726	3.852.375.507
Thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm, thuê kho	10.544.304.726	3.690.224.727
Phải trả tiền cho vay	11.200.000.000	6.500.000.000
Trả tiền cho vay	28.971.000.000	10.000.000.000
Phải trả tiền lãi cho vay	731.503.493	315.017.220
Trả tiền lãi cho vay	1.622.140.956	500.000.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.4; V.15; V.16; V.19; V.20.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

---

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### *Khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<b>Khu vực Miền Bắc</b>	<b>Khu vực Miền Trung</b>	<b>Khu vực Miền Nam</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.269.241.360.382	75.104.742.795	234.254.191.127	-	1.578.600.294.304
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	942.692.980.710	2.805.893.000	810.622.216	(946.309.495.926)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.211.934.341.092</b>	<b>77.910.635.795</b>	<b>235.064.813.343</b>	<b>(946.309.495.926)</b>	<b>1.578.600.294.304</b>
Chi phí bộ phận	(2.038.430.477.690)	(73.293.322.151)	(174.111.601.053)	938.099.156.543	(1.347.736.244.351)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	173.503.863.402	4.617.313.644	60.953.212.290	(8.210.339.383)	230.864.049.953
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(145.056.422.728)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					85.807.627.225
Doanh thu hoạt động tài chính					6.692.751.523
Chi phí tài chính					(59.087.892.564)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết					(3.320.440.057)
Thu nhập khác					3.290.124.133
Chi phí khác					(1.710.371.846)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(7.032.370.136)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(372.354.272)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>24.267.074.006</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>88.871.818.885</b>	<b>4.435.185</b>	-	-	<b>88.876.254.070</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>10.235.782.064</b>	<b>390.194.236</b>	<b>432.215.382</b>	<b>6.459.412</b>	<b>11.064.651.094</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:				
	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.072.270.908.013	42.092.916.320	94.934.336.302	(573.163.255.812)	1.636.134.904.823
<b>Tổng tài sản</b>					<b><u>1.636.134.904.823</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.523.692.726.927	43.152.787.416	103.035.289.428	(434.504.070.988)	1.235.376.732.783
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b><u>1.235.376.732.783</u></b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.822.553.240.055	29.563.351.673	66.298.373.605	(440.645.492.229)	1.477.769.473.104
<b>Tổng tài sản</b>					<b><u>1.477.769.473.104</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.287.305.652.321	29.444.653.131	74.368.348.073	(307.136.952.188)	1.083.981.701.337
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b><u>1.083.981.701.337</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

#### B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm</u> <u>trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	900.033.114.300	-	-	900.033.114.300
Phải trả người bán	287.426.500.962	-	-	287.426.500.962
Các khoản phải trả khác	10.159.235.662	-	-	10.159.235.662
<b>Cộng</b>	<b>1.197.618.850.924</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.197.618.850.924</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	868.600.538.306	-	-	868.600.538.306
Phải trả người bán	163.985.376.298	-	-	163.985.376.298
Các khoản phải trả khác	15.669.664.233	-	-	15.669.664.233
<b>Cộng</b>	<b>1.048.255.578.837</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.048.255.578.837</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.339.552.989	14.738.218.930	11.339.552.989	14.738.218.930
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	174.233.589.823	143.719.077.254	174.233.589.823	143.719.077.254
Phải thu khách hàng	457.786.769.593	379.323.019.815	457.786.769.593	379.323.019.815
Các khoản cho vay	56.898.840.824	59.912.800.000	56.898.840.824	59.912.800.000
Các khoản phải thu khác	4.543.550.189	6.531.667.069	4.543.550.189	6.531.667.069
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	12.374.892.594	15.695.332.651	12.374.892.594	15.695.332.651
<b>Cộng</b>	<b>717.177.196.012</b>	<b>619.920.115.719</b>	<b>717.177.196.012</b>	<b>619.920.115.719</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	900.033.114.300	868.600.538.306	900.033.114.300	868.600.538.306
Phải trả người bán	287.426.500.962	163.985.376.298	287.426.500.962	163.985.376.298
Các khoản phải trả khác	10.159.235.662	15.669.664.233	10.159.235.662	15.669.664.233
<b>Cộng</b>	<b>1.197.618.850.924</b>	<b>1.048.255.578.837</b>	<b>1.197.618.850.924</b>	<b>1.048.255.578.837</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

#### 5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Lập ngày 28 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu

Trương Bình Dương

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Phương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		<b>2.542.341.003</b>	<b>1.947.686.459</b>		<b>2.616.040.043</b>	<b>2.021.385.499</b>
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000	86.925.000	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000	86.925.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	355.675.942	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	355.675.942
Hệ Kinh Doanh Điện Máy Thiên Đức	Từ 2 năm đến 3 năm	470.588.306	235.294.153	Từ 2 năm đến 3 năm	470.588.306	235.294.153
Công ty TNHH Điện cơ Điện lạnh Trường Hùng	Trên 3 năm	444.688.013	444.688.013	Trên 3 năm	444.688.013	444.688.013
Công ty TNHH Tổng hợp Phú Hoàng Thanh	Từ 2 năm đến 3 năm	79.080.985	39.540.493	Từ 2 năm đến 3 năm	79.080.985	39.540.493
Công ty Cổ phần GRB Việt Nam	Trên 3 năm	104.483.270	104.483.270	Trên 3 năm	104.483.270	104.483.270
Công ty Cổ phần Đầu tư VINAINCON	Trên 3 năm	195.550.000	195.550.000	Trên 3 năm	195.550.000	195.550.000
CÔNG TY TNHH ALO SUSHI Việt Nam	Từ 2 năm đến 3 năm	68.103.200	47.673.200	Từ 2 năm đến 3 năm	68.103.200	47.673.200
Công ty TNHH công nghệ và thương mại Minh Dũng	Từ 1 năm đến 2 năm	558.780.000	279.390.000	Từ 1 năm đến 2 năm	558.780.000	279.390.000
Công ty TNHH Sunviet	Từ 1 năm đến 2 năm	39.999.799	19.999.900	Từ 1 năm đến 2 năm	39.999.799	19.999.900
Hệ Kinh Doanh Lê Đăng Hoàng	Đã thu hồi	-	-	Đã thu hồi	73.699.040	73.699.040
Công ty TNHH Thương mại Minh Hiền	Trên 3 năm	78.775.390	78.775.390	Trên 3 năm	78.775.390	78.775.390
Cơ sở kinh doanh Nguyễn Văn Thảo	Trên 3 năm	59.691.098	59.691.098	Trên 3 năm	59.691.098	59.691.098
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>2.666.667.695</b>	<b>2.658.052.495</b>		<b>2.666.667.695</b>	<b>2.658.052.495</b>
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh Hoàn Kiếm	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	1.300.951.400	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	1.300.951.400
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vitech	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699
Guangdong Sky bright Group Co.,Ltd	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	377.031.887	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	377.031.887
Kelon International Inc	Khó có khả năng thu hồi	96.799.409	96.799.409	Khó có khả năng thu hồi	96.799.409	96.799.409
Công ty Cổ phần VIETPICTURES AUTO	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	17.230.400	8.615.200	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	17.230.400	8.615.200
<b>Cộng</b>		<b>5.209.008.698</b>	<b>4.605.738.954</b>		<b>5.282.707.738</b>	<b>4.679.437.994</b>